TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199 /2024/DS-PT
Ngày: 01/4/2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 437/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1990;
Địa chỉ: ấp V, xã LV, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Phan Thị Tuyết H, sinh năm 1973;
Địa chỉ: khu phố D, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Phan Thị Tuyết H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P trình bày:*

Trong năm 2020, chị H vay của chị nhiều lần tiền tổng cộng 140.000.000 đồng, thỏa thuận miệng sau khi trả 140.000.000 đồng chị H trả 20.000.000 đồng

tiền lãi. Sau đó, chị H trả 03 lần tiền gốc trong năm 2020, thứ tự lần lượt trả 20 triệu, 25 triệu, 20 triệu, chị P không nhớ ngày tháng, chị H còn nợ lại 75 triệu đồng. Đến ngày 08/01/2021, chị và chị H làm giấy nợ số tiền 75.000.000 đồng, thỏa thuận miệng trong vòng hai tháng sẽ trả nhưng chị H không thực hiện. Ngày 01/01/2023, chị P yêu cầu chị H làm lại giấy nợ hẹn 16/01/2023 âm lịch trả hết nợ 75.000.000 đồng nhưng chị H cũng không thực hiện đúng cam kết. Chị P không đồng ý lời trình bày chị H đã trả gốc, lãi 125.000.000đ và xác định chị H làm giấy nợ là tự nguyện, chị P không ép buộc chị H làm giấy nợ.

Nay chị P yêu cầu chị H trả số tiền còn nợ 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Phan Thị Tuyết H trình bày:*

Đầu năm 2021, chị có vay chị P nhiều lần tiền tổng cộng 75.000.000 đồng, thỏa thuận miệng 1.000.000 đồng mỗi ngày trả lãi 30.000 đồng, thỏa thuận trả lãi hàng ngày, khi nào có tiền trả gốc. Trong quá trình vay, chị đã trả cho chị H tổng số tiền 125.000.000 đồng, trả trong năm 2021, thứ tự trả lần lượt là 50 triệu, 25 triệu, 20 triệu, 10 triệu, 20 triệu, chị H không nhớ ngày tháng chính xác; trong đó 75.000.000 đồng vốn, 50.000.000 đồng tiền lãi. Khi chị H trả vốn và lãi cho chị P thì không có làm giấy tờ, biên nhận gì. Chị H xác định giấy mượn tiền ngày 08/01/2021 và giấy nợ ngày 01/01/2023 nội dung chị nợ chị P 75.000.000 đồng là do chị ký và ghi họ tên nhưng chị làm giấy là do chị P ép buộc chị viết. Nay chị P yêu cầu chị trả 75.000.000 đồng, chị H không đồng ý do không còn nợ.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 437/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc P.

Buộc chị Phan Thị Tuyết H có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc P số tiền 75.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này, thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, với mức lãi suất tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 05/12/2023, bị đơn Phan Thị Tuyết H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 437/2023/DSST ngày 05/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện

GCT, tỉnh Tiền Giang yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm;***

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Thị Tuyết H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 437/2023/DS-ST ngày 05/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn chị Phan Thị Tuyết H nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo:

Quá trình tố tụng, chị Phan Thị Tuyết H thừa nhận chị có vay tiền của chị Lê Thị Ngọc P nhiều lần, ngày 08/01/2021 chị có ký "Giấy cho mượn tiền" thừa nhận có vay của chị Lê Thị Ngọc P số tiền 75.000.000 đồng, và đến ngày 01/01/2023 có viết Giấy cam kết hẹn đến ngày 16/01/2023 (âm lịch) trả số tiền nợ 75.000.000 đồng cho chị Lê Thị Ngọc P.

Tuy nhiên, chị Phan Thị Tuyết H cho rằng đã trả hết nợ cho chị Lê Thị Ngọc P trong năm 2021 nhưng không có lập biên nhận trả, chị viết giấy cam kết trả nợ ngày 01/01/2023 là do chị Lê Thị Ngọc P đe đọa, ép buộc nhưng chị không báo tin cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Xét thấy, việc chị Phan Thị Tuyết H thừa nhận có giao dịch vay tiền của chị P là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị Phan Thị Tuyết H cho rằng đã trả hết nợ cho chị Lê Thị Ngọc P, việc viết giấy cam kết trả nợ là do chị Lê Thị Ngọc P đe dọa, ép buộc nhưng chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là sự thật, đồng thời cũng không được chị Lê Thị Ngọc P thừa nhận. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc xác lập hợp đồng vay tài sản, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay để từ đó buộc nghĩa vụ trả nợ của chị Phan Thị Tuyết H là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Tuyết H.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phạm Thị Tuyết H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Tuyết H.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 437/2023/DS-ST ngày 05/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc P.

- Buộc chị Phan Thị Tuyết H có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc P số tiền 75.000.000 đồng.

- Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này, thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, với mức lãi suất tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Phan Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị Phan Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai thu số

0009095 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GCT, tỉnh Tiền Giang thành án phí.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy